

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY

Phòng 705 Tòa nhà TungShing Square số 2 phố Ngô Quyền, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY

Quý 4 năm 2011

Hà Nội, tháng 1 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		101.176.648.818	87.581.218.897
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	93.961.517	2.127.614.738
111	1. Tiền		93.961.517	327.614.738
112	2. Các khoản tương đương tiền			1.800.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		25.469.861.361	9.094.975.909
131	1. Phải thu khách hàng		-	243.212.526
135	2. Các khoản phải thu khác	5	25.469.861.361	8.851.763.383
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		75.612.825.940	76.358.628.250
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		35.280.000	275.480.930
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		465.459.808	948.195.354
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	6	75.112.086.132	75.134.951.966
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		627.596.819.339	622.561.915.845
220	I. Tài sản cố định		198.993.339	1.664.089.845
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	167.096.143	1.600.295.454
222	Nguyên giá		437.206.400	2.041.487.066
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(270.110.257)	(441.191.612)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	31.897.196	63.794.391
228	Nguyên giá		95.691.587	95.691.587
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(63.794.392)	(31.897.196)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	626.679.815.000	620.179.815.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	9.1	595.694.690.000	589.194.690.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	9.2	1.000.000.000	1.000.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	9.3	29.985.125.000	29.985.125.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		718.011.000	718.011.000
263	1. Ký quỹ, ký cược dài hạn		718.011.000	718.011.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		728.773.468.157	710.143.134.742

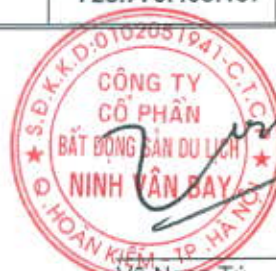
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		12.288.170.941	1.189.656.998
310	I. Nợ ngắn hạn		12.288.170.941	1.189.656.998
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		6.842.908	6.842.908
315	2. Phải trả công nhân viên		537.933.000	-
319	3. Các khoản phải trả, phải nộp khác	10	11.743.395.033	1.182.814.090
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	11	716.485.297.216	708.953.477.744
410	I. Vốn chủ sở hữu		716.485.297.216	708.953.477.744
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	11.1	605.000.000.000	605.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	11.1	99.455.000.000	99.455.000.000
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.1	12.030.297.216	4.498.477.744
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		728.773.468.157	710.143.134.742



Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 1 năm 2012

B02-DN

CHỈ TIÊU	TM	Quý		Lũy kế năm	
		Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	Số lũy kế kỳ này năm nay	Số lũy kế kỳ này năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	-	36.000.000	-	1.630.090.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				-	
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	18	-	36.000.000	-	1.630.090.909
4. Giá vốn hàng bán	19	-	-	-	1.052.716.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		-	36.000.000	-	577.374.409
6. Doanh thu hoạt động tài chính		1.405.645.784	1.469.842.675	13.443.380.706	7.851.498.559
7. Chi phí tài chính	20	394.156	29.751.655	7.947.813	86.303.493
- Trong đó : Chi phí lãi vay			-	-	28.438.223
8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý kinh doanh	21	1.225.563.175	4.072.649.060	5.658.332.176	9.720.427.656
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD		179.688.453	(2.596.558.039)	7.777.100.717	(1.377.858.181)
11. Thu nhập khác		-	-	913.365.909	-
12. Chi phí khác		-	-	1.158.647.148	-
13. Lợi nhuận khác		-	-	(245.281.239)	-
14. Tổng lợi nhuận KT trước thuế		179.688.453	(2.596.558.039)	7.531.819.478	(1.377.858.181)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TN DN		179.688.453	(2.596.558.039)	7.531.819.478	(1.377.858.181)

Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

8

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

B03-DN

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		7.531.819.472	(1.377.858.181)
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	7,8	306.449.359	426.021.885
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	12,2	(11.310.563.553)	(6.224.011.827)
	Lãi tiền gửi và tiền cho vay	12,2	(1.882.817.574)	(1.627.486.732)
06	Chi phí lãi vay			28.438.223
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.355.112.296)	(8.774.896.632)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		4.626.768.086	(1.203.047.840)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		781.277.000	(80.197.227.193)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		240.200.931	142.964.659
13	Tiền lãi vay đã trả		-	(28.438.223)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.262.467.261)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		293.133.721	(91.323.112.490)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(383.527.987)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		909.090.909	-
23	Tiền chi cho vay		(19.366.560.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		500.000.000	-
25	Tiền đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.000.000.000)	(29.845.125.000)
	Tiền chi để góp vốn vào công ty con		(6.500.000.000)	(108.050.000.000)
27	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.000.000.000	17.100.000.000
28	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.813.445.206	7.526.498.559
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(12.644.023.885)	(113.652.154.428)
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu			199.455.000.000
34	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		10.317.236.943	3.015.500.000
35	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(10.015.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		10.317.236.943	192.455.000.000
50	(Giảm)/tăng tiền và tương đương tiền trong kỳ		(2.033.653.221)	(12.520.266.918)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.127.614.738	14.647.881.656
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		93.961.517	2.127.614.738

Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 1 năm 2012



Mã Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay ("Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Phong, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
0103013874	Ngày 3 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 27 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 28 tháng 9 năm 2009
0103013874	Ngày 2 tháng 12 năm 2009
0102051941	Ngày 12 tháng 2 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 5 năm 2010
0102051941	Ngày 15 tháng 7 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 9 năm 2010
0102051941	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0102051941	Ngày 20 tháng 6 năm 2011

Ngày 28 tháng 4 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay với mã cổ phiếu NVT theo công văn số 85/QĐ-SGDHCM. Ngày 7 tháng 5 năm 2010, 50.500.000 cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ quản lý, tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất), xúc tiến đầu tư thương mại;
- Khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, san lấp mặt bằng;
- Sản xuất, nhập khẩu trang thiết bị xây dựng và trang trí nội, ngoại thất; và
- Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính tại phòng 705, tòa nhà Tungshing Square, số 2 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Cơ cấu tổ chức:

Công ty có bốn công ty con, trong đó:

- Công ty TNHH Hai Dung

Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 3600805594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10 tháng 4 năm 2006, với số vốn điều lệ là 110 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh bất động sản, đầu tư khu du lịch sinh thái và kinh doanh nhà nghỉ, nhà hàng và dịch vụ ăn uống. Công ty TNHH Hai Dung hiện đang phát triển và vận hành dự án Điểm Du lịch sinh thái Six Senses Sài Gòn River. Công ty có trụ sở đặt tại ấp Bến Cộ, xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và văn phòng giao dịch đặt tại số 24 Yến Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm 90% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

► *Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải*

Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4200686538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 13 tháng 12 năm 2008, với số vốn điều lệ là 90 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lưu hành. Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải hiện đang phát triển và vận hành dự án Khu nghỉ dưỡng Six Senses Hideaway Ninh Vân Bay. Công ty có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

► *Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú*

Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103025527 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 6 năm 2008, với số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng và dịch vụ ăn uống. Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú hiện đang phát triển dự án Khu nghỉ dưỡng Ana Mandara Ninh Bình Resort. Công ty có trụ sở đặt tại tầng 8, tòa nhà LOD, số 28 đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

► *Công ty TNHH Một thành viên Cầu lạc bộ Kỹ nghệ Ninh Vân Bay*

Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0310273430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2010, với số vốn điều lệ là 10 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là phát hành và quản lý thẻ nghỉ dài hạn. Công ty có trụ sở đặt tại lầu 1, Cao ốc Central Point, Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 6 tháng 5 năm 2011, Công ty đã góp đủ số vốn điều lệ nói trên vào công ty con này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập cho mục đích báo cáo cho các cơ quan Nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ của Ban Giám đốc Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành nói chung và chuẩn mực số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ nói riêng và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam ("VND").

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam.

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Theo Thông tư 210, Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Tập đoàn phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Yêu cầu này không có ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vì Công ty chưa phát hành các công cụ này.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự mà công ty không thể thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán là chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.9 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần, kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các giai đoạn trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tiền mặt	15.041.126	102.458.042
Tiền gửi ngân hàng	78.920.391	225.156.696
Các khoản tương đương tiền	-	1.800.000.000
TỔNG CỘNG	93.961.517	2.127.614.738

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Phải thu gốc cho Công ty TNHH Hai Dung vay (Thuyết minh số 15)	19.337.408.034	1.070.848.034
Phải thu lãi vay từ Công ty TNHH Hai Dung (Thuyết minh số 15)	1.762.031.751	-
Phải thu gốc cho Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải vay	-	500.000.000
Phải thu lãi vay từ Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	-	132.539.591
Chi phí chi trả hộ các bên liên quan (Thuyết minh số 15)	3.025.776.779	7.148.375.758
Phải thu gốc cho công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt vay	650.000.000	-
Phải thu khác	694.644.797	-
TỔNG CỘNG	25.469.861.361	8.851.763.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Ứng trước tiền đầu tư mua cổ phần/phần vốn góp	75.006.410.100	75.006.410.100
Trong đó:		
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp (*)	48.030.000.000	48.030.000.000
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Danh Việt (**)	26.976.410.100	26.976.410.100
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	105.676.032	105.676.032
Tạm ứng	-	22.865.834
TỔNG CỘNG	75.112.086.132	75.134.951.966

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VNĐ		
	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	1.604.280.666	437.206.400	2.041.487.066
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ	(1.604.280.666)	-	(1.604.280.666)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	-	437.206.400	437.206.400
Giá trị hao mòn:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	311.935.314	129.256.298	441.191.612
Khấu hao trong kỳ	133.698.204	140.853.959	274.552.164
Thanh lý, nhượng bán	(445.633.518)	-	(445.633.518)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	-	270.110.257	270.110.257
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	1.292.345.352	307.950.102	1.600.295.454
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	-	167.096.143	167.096.143

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	95.691.587
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	95.691.587
Giá trị hao mòn:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	31.897.196
Khấu hao trong kỳ	31.897.196
Thanh lý, nhượng bán	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	63.794.392
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	63.794.391
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	31.897.195

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

		Đơn vị tính: VNĐ
	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Đầu tư vào công ty con	595.694.690.000	589.194.690.000
Đầu tư vào công ty liên kết	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	29.985.125.000	29.985.125.000
TỔNG CỘNG	626.679.815.000	620.179.815.000

9.1 Đầu tư vào các công ty con

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Giá trị đầu tư	
Tên đơn vị	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Công ty TNHH Hai Dung	204.742.800.000	204.742.800.000
Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	304.451.890.000	304.451.890.000
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	76.500.000.000	76.500.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	10.000.000.000	3.500.000.000
TỔNG CỘNG	595.694.690.000	589.194.690.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

9.3 Đầu tư dài hạn khác

Tên đơn vị	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp (Thuyết minh số 6)	15.900.000.000	15.900.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt (Thuyết minh số 6)	14.085.125.000	14.085.125.000
TỔNG CỘNG	29.985.125.000	29.985.125.000

Chi tiết đầu tư dài hạn khác như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Tỉnh Quảng Nam	10%	Phát triển và vận hành khu nghỉ dưỡng Ana Mandara Hội An
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	10%	Phát triển và vận hành khu Du lịch Sinh thái Biển Cao cấp Lạc Việt

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tiền bán thẻ nghỉ thu hộ Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	1.029.069.090	1.182.814.090
Phải trả gốc vay Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	10.317.236.943	
Các khoản phải trả khác	397.089.000	-
TỔNG CỘNG	11.743.395.033	1.182.814.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VNĐ Tổng cộng
Năm trước:				
Số dư đầu năm	505.000.000.000	-	5.876.335.925	510.876.335.925
- Tăng vốn	100.000.000.000	99.455.000.000	-	199.455.000.000
- Lỗ trong năm	-	-	(1.377.858.181)	(1.377.858.181)
Số dư cuối năm	605.000.000.000	99.455.000.000	4.498.477.744	708.953.477.744
Năm nay:				
Số dư đầu năm	605.000.000.000	99.455.000.000	4.498.477.744	708.953.477.744
- Tăng vốn	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	7.531.819.472	7.531.819.472
Số dư cuối năm	605.000.000.000	99.455.000.000	12.030.297.216	716.485.297.216

11.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Đơn vị tính: VNĐ Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	605.000.000.000	505.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	100.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	605.000.000.000	605.000.000.000

11.3 Cổ phiếu

	31 tháng 12 năm 2011	Đơn vị tính: VNĐ 31 tháng 12 năm 2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	60.500.000	60.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	60.500.000	60.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	60.500.000	60.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.500.000	60.500.000
Cổ phiếu phổ thông	60.500.000	60.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. DOANH THU

12.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	-	1.630.090.909
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.630.090.909
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	-	1.630.090.909
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	1.630.090.909

12.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.883.260.914	1.627.486.732
Lãi từ hoạt động đầu tư cổ phiếu	-	400.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.560.119.792	5.824.011.827
TỔNG CỘNG	13.443.380.706	7.851.498.559

13. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	1.052.716.500
TỔNG CỘNG	-	1.052.716.500

14. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay		28.438.223
Chi phí tài chính khác	7.947.819	57.865.270
TỔNG CỘNG	7.947.819	86.303.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	3.016.508.505	4.486.575.134
Chi phí nhân công	306.449.359	426.021.884
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	2.098.128.097	3.447.961.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	245.194.034	2.498.889.083
Chi phí khác		
TỔNG CỘNG	5.666.279.995	10.859.447.649



Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Wu Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 1 năm 2012